

Bản án số: 07/2018/HS-ST
Ngày 27 - 02 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Thành và ông Đào Tiến Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Thơm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 02/2018/TLST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2017/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Quang Đ, sinh năm 1992 tại Nam Định. Nơi ĐKKHKT: Tổ 4, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nơi cư trú: Số nhà 23, đường T, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Nguyên nhân viên Ngân hàng; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân N (tức Quang N), sinh năm 1963 và bà Vũ Thị N, sinh năm 1965; vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 07 tháng 11 năm 2016. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Đình Thi là Luật sư của Công ty Luật TNHH Hà Nam, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hà Nam, buổi sáng có mặt buổi chiều vắng mặt có lý do.

- Nguyên đơn dân sự: Ngân hàng Thương mại Cổ phần H Việt Nam;

Địa chỉ trụ sở chính: Số 54A, đường N, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự: Ông Huỳnh Bửu Q- chức vụ: Tổng Giám đốc.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Tiến Đ, chức vụ: Giám đốc Tư vấn và Hỗ trợ pháp luật, buổi sáng có mặt buổi chiều vắng mặt có lý do.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Lê Thị Phương T, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Số nhà 43, tổ 3,

phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam, có mặt.

2. Chị Phạm Thị D, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Thôn 2, xã P, thành phố P, tỉnh Hà Nam, có mặt.

3. Ông Nguyễn Xuân N (tức Quang N), sinh năm 1963. Nơi cư trú: Thôn N, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định, có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Hoàng Phi H, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam, buổi sáng có mặt buổi chiều vắng mặt không có lý do.

2. Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Thôn 1, xã P, thành phố P, tỉnh Hà Nam, có mặt.

3. Chị Trần Thị Q, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Số nhà 7, ngõ 63, tổ 5, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam, có mặt.

4. Ông Đỗ Đình N, sinh năm 1958. Nơi cư trú: Thôn N, xã L, huyện T, tỉnh Hà Nam, có mặt.

5. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1961. Nơi cư trú: Tổ 7, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 4/2015, Nguyễn Quang Đ được nhận vào làm thử việc tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần (TMCP) H Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam, đến ngày 10/6/2016, Ngân hàng TMCP H Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam ký hợp đồng lao động số 03638/2016/ HĐLĐ-MSB với Nguyễn Quang Đ, thời hạn 36 tháng; Đ được phân công nhiệm vụ là Giao dịch viên của Phòng giao dịch P thuộc Ngân hàng TMCP H Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam. Nhiệm vụ của Đ được giao là quản lý quỹ giao dịch của mình và thực hiện đối với giao dịch thu tiền mặt thì hạn mức là 50.000.000đ, đối với giao dịch chi tiền thì hạn mức là 30.000.000đ, nếu các giao dịch ngoài hạn mức thì trước khi thực hiện giao dịch, phải được chị Lê Thị Phương T là Kiểm soát viên phê duyệt trên chứng từ và trên hệ thống của Ngân hàng. Đến cuối ngày Đ phải nộp tiền quỹ giao dịch do mình quản lý cho Giao dịch viên chính là chị Trần Thị Thu H.

Ngày 15/7/2015, Ngân hàng TMCP H Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam có Quyết định số 46A/2015/QĐ- HNM về việc thành lập Ban quản lý máy giao dịch tự động ATM số 160001, trong đó chị Lê Thị Phương T được phân công là Kiểm soát viên, chị Phạm Thị D được phân công là Thủ quỹ và Nguyễn Quang Đ được phân công là Cán bộ thẻ. Bộ phận quản lý ATM có trách nhiệm thực hiện đúng theo quy định của Ngân hàng TMCP H Việt Nam và của Ngân hàng Nhà nước về quản lý máy ATM cụ thể: Sử dụng bộ chia khóa ATM, tiếp quỹ, kiểm quỹ, quản lý các chứng từ liên quan đến ATM. Ngày 02/7/2016, Ngân hàng TMCP H Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam ban hành quyết định số

36A/2016/QĐ - HNM về việc thành lập Ban quản lý máy giao dịch tự động ATM số 160001 trong đó, chị Lê Thị Phương T được phân công là Kiểm soát viên, chị Phạm Thị D được phân công là Thủ quỹ, Nguyễn Quang Đ được phân công là Cán bộ thẻ và chị Trần Thị Thu H là thành viên Ban quản lý cây ATM số 160001, giữ chức danh Cán bộ thẻ. Tuy nhiên, tại các bảng phân công nhiệm vụ tham gia tiếp quỹ ATM của Ngân hàng từ ngày 02/7/2016 đến ngày 22/9/2016 chỉ phân công chị Lê Thị Phương T là Kiểm soát viên, chị Phạm Thị D là Thủ quỹ và Nguyễn Quang Đ là Cán bộ thẻ cây ATM, cùng tham gia quá trình tiếp quỹ, kiểm quỹ và kiểm kê tiền mặt tại cây ATM số 160001.

Theo quy định của Ngân hàng TMCP H Việt Nam về việc tiếp quỹ, kiểm quỹ và kiểm kê tiền mặt tại máy giao dịch tự động ATM, mã khóa số, chìa khóa chuyên dùng đổi mã số, chìa khóa cassette giao cho thủ quỹ ATM quản lý; thủ quỹ ATM tự tạo mã khóa số và tự chịu trách nhiệm về mã số do mình tạo; Kiểm soát viên phải thực hiện giám sát quá trình kiểm quỹ ATM, quá trình nạp tiền vào cassette, Cán bộ thẻ chứng kiến, Thủ quỹ ATM kiểm đếm số tiền trong cassette ATM.

Đầu năm 2016, do bận công việc nên chị Phạm Thị D không thường xuyên tham gia kiểm quỹ, tiếp quỹ theo đúng quy định mà nhờ Đ kiểm quỹ, tiếp quỹ hộ và cho Đ biết mã khóa kết sắt cây ATM số 160001. Trong thời gian này, chị D không quản lý chìa khóa hộp cassette của cây ATM số 160001 đồng thời, nhờ chị Thúy quản lý chìa khóa hộp cassette tại kết chính của phòng giao dịch P. Cũng trong khoảng thời gian này chị D nhờ Đ thay mình kiểm quỹ, tiếp quỹ tiền mặt tại cây ATM số 160001.

Khoảng tháng 6/2016, do nhu cầu cần tiền để mua Rik (một dạng tiền ảo) chơi game RikVip nên Nguyễn Quang Đ đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của Ngân hàng TMCP H Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam. Do được chị Phạm Thị D cho biết mã khóa số cây ATM là 406080 và biết chị D gửi chìa khóa hộp cassette của cây ATM số 160001 ở kết chính phòng giao dịch P, được chị D nhờ thực hiện việc kiểm quỹ, tiếp quỹ tiền mặt tại cây ATM số 160001 và được chị T tin tưởng không chú ý giám sát trong quá trình kiểm quỹ, tiếp quỹ tiền mặt tại cây ATM số 160001 nên Đ đã nhiều lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của Ngân hàng TMCP H Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam trong quá trình kiểm quỹ, tiếp quỹ tiền mặt và kiểm tra sửa chữa tại cây ATM số 160001; cụ thể: Ngày 29/6/2016, Đ đã lấy bớt số tiền 20.000.000đ trong tổng số tiền 1.803.000.000đ tiếp vào cây ATM số 160001 đã được phê duyệt. Sau đó, Đ tiến hành niêm phong các hộp cassette và báo số tiền mới tiếp quỹ vào hệ thống điện tử cây ATM số 160001 là 1.803.000.000đ đúng như số tiền trong đề nghị tiếp quỹ ngày 29/6/2016.

Ngày 09/7/2016, Đ lấy lý do cây ATM số 160001 bị hỏng rồi xin phép chị T mở cây ATM để sửa, chị T đã đồng ý cho Đ mở cây ATM số 160001 để sửa. Đ lấy chìa khóa cây ATM để trong phòng giao dịch P mở khóa cây ATM và kết sắt, mở các hộp cassette kiểm tra, sửa cây bình thường, lợi dụng việc chị T không giám sát, Đ đã lấy số tiền 12.000.000đ ở trong hộp cassette của cây ATM số 160001; Ngày 13/7/2016, khi kiểm tra nhật ký cây ATM thì số tiền phải hoàn lại

cho Ngân hàng khi tiếp quỹ là 314.460.000đ, song do trước đó Đ đã lấy ra 32.000.000đ nên số tiền thực tế còn lại trong cây ATM chỉ còn là 281.428.000đ. Lợi dụng việc chị D không tham gia tiếp quỹ và chị T không giám sát, Đ đã bỏ số tiền tồn quỹ trong các hộp cassette ra để tự kiểm đếm, và báo với chị T tổng số tiền tồn quỹ trong các hộp cassette là 314.460.000đ, phù hợp với số tiền tồn quỹ được ghi nhận trong dữ liệu điện tử của cây ATM số 160001.

Tiếp đó, khi nạp tiền vào các hộp cassette, Đ đã lợi dụng việc chị T không giám sát nên đã lấy bớt một số tiền trong tổng số 1.502.000.000đ phải tiếp vào cây ATM 160001 đã được phê duyệt, nhưng Đ không nhớ cụ thể số tiền Đ lấy là bao nhiêu mà Đ chỉ xác định số tiền lấy lần này nhiều hơn số tiền 32.000.000đ, vì Đ đã sử dụng số tiền đó bù đủ số tiền 32.000.000đ còn thiếu khi hoàn quỹ số tiền tồn quỹ ở lần tiếp quỹ này. Sau đó Đ hoàn thiện các thủ tục chứng từ tiếp quỹ rồi kí tên chuyển cho chị T, chị D kí theo đúng quy định. Cũng với thủ đoạn trên trong các lần kiểm quỹ, tiếp quỹ và lấy lý do kiểm tra, sửa cây ATM số 160001 tiếp theo, Đ đã nhiều lần lấy tiền của Ngân hàng TMCP H Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam song không nhớ số tiền cụ thể là bao nhiêu. Đến ngày 03/10/2016, Đ tiếp tục đề nghị tiếp quỹ cây ATM với số tiền 1.803.000.000đ. Khi kiểm quỹ cây ATM thấy còn thiếu 620.000.000đ so với nhật kí của cây ATM nên Đ đã lấy ra 800.000.000đ sau đó dùng 620.000.000đ để bù vào số tiền còn thiếu trong quỹ cây ATM, còn lại số tiền 180.000.000đ Đ sử dụng để mua Rik.

Đến ngày 07 và ngày 10/10/2016, Đ tiếp tục lấy lý do kiểm tra, sửa cây ATM, chị T tin tưởng nên đã để cho mình Đ tự kiểm tra sửa chữa cây ATM, Đ đã lợi dụng việc chị T không giám sát đã lấy tổng số tiền trong cây ATM là 241.500.000đ. Tính đến ngày 10/10/2016, Đ đã lấy ở cây ATM tổng số tiền là 1.041.500.000đ. Ngày 11/10/2016, do Đ tính toán tiền ở cây ATM sắp hết, để tránh bị phát hiện nên đã lấy lý do kiểm tra, sửa cây ATM, trong quá trình sửa, lợi dụng không có người giám sát, Đ đã nộp vào cây ATM 90.000.000đ. Tính từ ngày 29/6/2016 đến ngày 11/10/2016 với các thủ đoạn trên, Đ đã chiếm đoạt của Ngân hàng TMCP H Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam tổng số tiền là 951.500.000đ.

Ngày 12/10/2016, chị Trần Thị Thu H là Giao dịch viên chính đã giao cho Đ số tiền 80.887.000đ, gồm nhiều loại tiền khác nhau để phục vụ cho công tác giao dịch trong ngày. Sau đó, Đ tiến hành các giao dịch của mình, kết thúc buổi sáng làm việc, Đ đã thực hiện 16 giao dịch, số tiền kiểm đếm còn lại trong quỹ giao dịch của Đ là 257.784.000đ, Đ lấy ra 60.000.000đ giấu trong người, số tiền còn lại Đ bỏ vào túi bóng, cất vào két sắt và Đ xin phép chị T cho nghỉ sớm 15 phút. Đ đi đến Phòng giao dịch L thuộc Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam nộp 60.000.000đ vào tài khoản số 44110002226666 của anh Nguyễn Huy B, trú tại: Tổ 1, khu 4A, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh đứng tên là chủ tài khoản mở tại Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam - Chi nhánh Cẩm Phả để mua Rik. Quá trình nộp tiền vào tài khoản, Đ ghi tên người hưởng, người nộp tiền đều là Nguyễn Huy B, đồng thời ký tên B và ghi họ tên Nguyễn Huy B ở phần người nộp tiền trong giấy nộp tiền mặt số 0012, ngày 12/10/2016 của Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam với nội dung Mua rik anhdúc 4321.

Đến 13 giờ 30 phút cùng ngày, Đ tiếp tục đến Phòng giao dịch P trực thuộc Ngân hàng TMCP H - Chi nhánh Hà Nam làm việc. Đ lấy số tiền 197.784.000đ cất trong két sắt ra để tiếp tục thực hiện các giao dịch với khách hàng. Do cần tiền để mua Rik nên đã nảy sinh ý định lập khống chứng từ chuyển số tiền 100.000.000đ vào tài khoản của anh Nguyễn Huy B, để mua Rik tiếp tục chơi game. Do ngày 11/10/2016, khi chị T thực hiện việc nhập mã kiểm soát, Đ đã nhìn thấy và nhớ mặt khẩu mã kiểm soát là A010203 nên đến 15 giờ 33 phút ngày 12/10/2016, chị T đi ra ngoài, Đ lập giao dịch nộp khống số tiền 100.000.000đ vào tài khoản của anh Nguyễn Huy B mở tại Ngân hàng TMCP H - Chi nhánh Cẩm Phả để mua Rik và sử dụng mặt khẩu mã kiểm soát của chị T để phê duyệt giao dịch khống. Quá trình lập khống giao dịch trên, Đ ký tên ở phần chữ ký người nộp tiền là B trong giấy nộp tiền mặt số 0033, liên 1, ngày 12/10/2016 của Ngân hàng TMCP H - Chi nhánh Hà Nam, nội dung NGUYEN HUY BACH NT Anh duc 4321 với tổng số tiền nộp là 100.000.000đ và 11.000đ phí nộp tiền; đồng thời ký, ghi rõ họ tên Nguyễn Huy B ở phần người nộp tiền trong tờ bảng kê các loại tiền nộp vào tài khoản Ngân hàng.

Kết thúc buổi giao dịch ngày 12/10/2016, tổng số tiền Đ giao dịch và phải nộp về quỹ của Phòng giao dịch là 412.362.000đ, nhưng do trước đó Đ không bù lại được số tiền 160.000.000đ nên đã nảy sinh ý định bỏ trốn và tiếp tục lấy 40.000.000đ bỏ vào hai túi quần, sau đó đưa cho chị Trần Thị Thu H phiếu chuyển tiền nội bộ số 0039, với tổng số tiền là 412.362.000đ và 212.351.000đ tiền mặt. Quá trình kiểm đếm giao dịch H phát hiện thiếu 01 bó loại 200.000đ (tương đương 200 triệu đồng), liền hỏi lại Đ thì Đ nói đang kiểm đếm nốt, sau đó vội vã bỏ đi khỏi phòng giao dịch và để lại 01 điện thoại di động hiệu Qmobil. Tổng số tiền Đ đã chiếm đoạt của Ngân hàng TMCP H Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam tính đến ngày 12/10/2016 là 1.151.500.000đ (Một tỷ một trăm năm mươi một triệu năm trăm nghìn đồng).

Số tiền Đ đã chiếm đoạt của Ngân hàng TMCP H Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam, Đ đã sử dụng 160.000.000đ nộp trực tiếp và thực hiện giao dịch khống để nộp vào tài khoản của anh Nguyễn Huy B. Số tiền còn lại, theo Đ khai, Đ đã sử dụng vào việc tiêu sài cá nhân, mua thẻ điện thoại và thẻ game nạp vào tài khoản chơi game RikVip; chuyển vào tài khoản của nhiều cá nhân để mua Rik chơi game hết, trong đó có số tiền 406.500.000đ Đ đã nộp vào tài khoản số 19027712900888 do Đ là chủ tài khoản mở tại Ngân hàng TechcomBank - Chi nhánh K, sau đó Đ chuyển số tiền trên cho một số tài khoản để mua Rik chơi game RikVip, cụ thể: Chuyển 11.500.000đ vào tài khoản số 19030386248017 mở tại Ngân hàng TechcomBank - Chi nhánh B, chủ tài khoản mang tên Trần Thị L, sinh năm 1965, trú tại: Số 357/76/5 H, phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; chuyển 275.000.000đ vào tài khoản Ngân hàng số 19029728516010 mở tại Ngân hàng TechcomBank - Chi nhánh N, chủ tài khoản mang tên Phạm Anh Q, sinh năm 1978, trú tại: Chung cư BELLEZA 20P02-E25, P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; chuyển số tiền 70.000.000đ vào tài khoản số 19030318207019 mở tại Ngân hàng TechcomBank - Chi nhánh C, chủ tài khoản mang tên Nguyễn Thị G, sinh năm 1968, trú tại: Ấp L, xã L, huyện Đ,

tỉnh Long An; chuyển số tiền 50.000.000đ vào tài khoản số 19030362822669 mở tại Ngân hàng TechcomBank - Chi nhánh C, chủ tài khoản mang tên Nguyễn Huy B, sinh năm 1990, trú tại: Tổ 1, khu 4A, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Nam đã tiến hành điều tra xác minh đối với các số tài khoản trên, kết quả: Anh Phạm Anh Q xác định năm 2015 có đăng kí mở 01 tài khoản tại Ngân hàng TMCP Techcombank - Chi nhánh N, sau đó bị mất thẻ nên anh Q không còn sử dụng số tài khoản trên, không quen biết cũng như thực hiện giao dịch nhận tiền hay chuyển tiền nào với Nguyễn Quang Đ; Chị Nguyễn Thị G xác định tài khoản Ngân hàng số 19030318207019, do chị G mở tại Ngân hàng TechcomBank - Chi nhánh C vào tháng 5/2016 nhưng sau đó chị không sử dụng mà giao cho anh Trần Công Q, sinh năm 1989, trú tại: Ấp L, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An (là con trai chị G) để cho người khác thuê, chị G không thực hiện các giao dịch nhận tiền hay chuyển tiền nào với Nguyễn Quang Đ. Xác minh, lấy lời khai của anh Trần Công Q xác định, anh Q dùng số tài khoản của bà G cho một người có tên là T thuê, anh Q không biết nhân thân, lai lịch, địa chỉ của đối tượng này ở đâu. Xác minh tại địa chỉ số 357/76/5 H, phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh không có ai tên là Trần Thị L đăng ký thường trú, tạm trú. Quá trình làm việc với anh Nguyễn Huy B, anh B xác định có việc giao dịch trao đổi qua tài khoản giữa anh và Đ để trao đổi mua tiền Rik, anh B không biết nguồn gốc số tiền Đ chuyển cho anh B do đâu mà có.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Nam đã thu giữ tại Phòng giao dịch P thuộc Ngân hàng TMCP H Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam: Một cây máy vi tính nhãn hiệu HP vỏ ngoài màu đen có dẫn mã thiết bị gồm chữ và số: ITC090000124, bên trong có gắn một ổ cứng máy tính hiệu Seagate dung lượng 80GB số seri 9RW2C8K1; Một điện thoại di động hiệu Q-mobile P6 có vỏ ngoài màu trắng, số IMEI 866405011675331, trong máy điện thoại có gắn 01 thẻ SIM bị cắt và 01 thẻ nhớ dung lượng 02GB; Hình ảnh dữ liệu camera Phòng giao dịch Phủ Lý và cây ATM số 160001 thuộc Ngân hàng TMCP H Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam được lưu giữ trong 4 USB; Một quyển sổ tay có kích thước (9x17)cm, mặt trước bìa cứng của quyển sổ có chữ BUSINESS và số B3-160b, bên trong có 7 trang giấy ghi các chữ và số do Nguyễn Quang Đ viết bằng mực màu xanh được đánh số thứ tự từ 01 đến 07 và một số tài liệu, chứng từ liên quan đến vụ án.

Tại Bản kết luận giám định số 28/GĐTL - PC54 ngày 20/01/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Nam kết luận: Chữ viết trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ viết của Nguyễn Huy B trên tài liệu mẫu ký hiệu M do cùng một người viết ra; chữ viết có nội dung “Nguyễn Huy B” trên tài liệu ký hiệu A3 so với chữ viết của Nguyễn Huy B trên tài liệu mẫu ký hiệu M do cùng một người viết ra.

Ngày 31/10/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Nam có Công văn số 951/CSĐT(PC44) đề nghị Cục Cảnh sát phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao Bộ Công an khai thác, khôi phục nội dung các dữ liệu còn

lưu, đã xóa trên máy điện thoại, cây máy vi tính nhãn hiệu HP thu giữ tại Phòng giao dịch P. Tại Công văn số 3340/C50(TTDL) ngày 09/12/2016, của Cục Cảnh sát phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao xác định: Điện thoại di động Q-mobile P6 số IMEI 866405011675331: Danh bạ có 42 số điện thoại, nhật ký cuộc gọi có 10 cuộc gọi, 18 tin nhắn. Thẻ sim số ICCID 8984043610080188529: Danh bạ có 01 số điện thoại, nhật ký cuộc gọi có 10 cuộc; Ổ cứng máy tính hiệu Seagate dung lượng 80GB số seri 9RW2C8K1 (gắn trong CPU máy tính nhãn hiệu HP vỏ ngoài màu đen có dán mã thiết bị gồm chữ và số: ITC090000124). Kiểm tra lịch sử truy cập Internet thấy nhiều lần truy cập vào trang web bong88.com có nội dung cá độ bóng đá.

Ngày 24/3/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Nam đã trả lại Ngân hàng TMCP H Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam một cây máy vi tính nhãn hiệu HP, bên trong có gắn 01 ổ cứng máy tính hiệu Seagate dung lượng 80 GB số seri 9RW2C8K1.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo Đ đã tác động tới gia đình nộp số tiền 23.000.000đ; chị Lê Thị Phương T đã tự nguyện nộp số tiền 20.000.000đ; chị Phạm Thị D tự nguyện nộp số tiền 50.000.000đ cho Ngân hàng TMCP H Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam để khắc phục một phần thiệt hại cho Ngân hàng. Tại phiên tòa, Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Nguyễn Quang Đ và những người có liên quan, liên đới bồi thường cho Ngân hàng số tiền còn lại là 1.058.500.000đ.

Tại Cáo trạng số 38/KSĐT ngày 30/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam đã truy tố Nguyễn Quang Đ về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, quy định tại điểm a khoản 4 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Quang Đ phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về hiệu lực thi hành của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang Đ từ 12 đến 13 năm tù; buộc Đ trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của Ngân hàng TMCP H - Chi nhánh Hà Nam; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Nam, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam, Kiểm sát viên

trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án, tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Quang Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của đại diện nguyên đơn dân sự và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Do cần tiền mua Rik (một dạng tiền ảo) để chơi game nên từ ngày 29/6/2016 đến ngày 11/10/2016, Nguyễn Quang Đ đã lợi dụng sự tin tưởng của chị Phạm Thị D cho biết mã khóa số cây ATM, biết chị D gửi chìa khóa hộp cassette ở kết chính Phòng giao dịch P, được chị D nhờ thực hiện việc kiểm quỹ, tiếp quỹ và được chị Lê Thị Phương T tin tưởng không chú ý giám sát trong quá trình kiểm quỹ, tiếp quỹ, sửa cây ATM số 160001 nên Nguyễn Quang Đ đã nhiều lần chiếm đoạt tiền của Ngân hàng TMCP H Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam với tổng số tiền 951.500.000đ. Ngoài ra ngày 12/10/2016, trong quá trình thực hiện các giao dịch tại Phòng giao dịch Phủ Lý Đ đã lấy tổng cộng 200.000.000đ và lập khống chứng từ chuyển số tiền 160.000.000đ vào tài khoản của anh Nguyễn Huy B để mua Rik tiếp tục chơi game, còn lại 40.000.000đ Đ sử dụng tiêu sài cá nhân. Như vậy, Nguyễn Quang Đ đã chiếm đoạt tổng số tiền của Ngân hàng TMCP H Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam là 1.151.500.000đ, cho nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam truy tố Nguyễn Quang Đ về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Quang Đ là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản (tiền) của Ngân hàng TMCP H Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam, gây tâm lý hoang mang, bất bình trong đội ngũ cán bộ công nhân viên của hệ thống Ngân hàng nói riêng và trong quần chúng nhân dân nói chung. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử thấy: Về tình tiết tăng nặng bị cáo Đ không phải chịu tình tiết tăng nặng nào; về tình tiết giảm nhẹ, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, nhất thời phạm tội; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tác động tích cực đến gia đình để khắc phục một phần bồi thường thiệt hại; ông, bà nội bị cáo đều là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương chiến thắng; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Hơn nữa, Đ bị truy tố và xét xử theo điểm a khoản 4 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999 với khung hình phạt cao nhất là chung thân nhưng theo quy định tại khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017 có khung hình phạt cao nhất là 20 năm tù. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày

20/6/2017 của Quốc hội về hiệu lực thi hành của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 để xem xét khi quyết định hình phạt cho phù hợp. Do bị cáo Nguyễn Quang Đ có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 nên chấp nhận đề nghị của Luật sư, áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đồng thời, cách ly bị cáo khỏi xã hội mới có khả năng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Hiện bị cáo đang ở chung cùng bố mẹ, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho Nguyễn Quang Đ như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp pháp luật.

Đối với hành vi chơi game qua mạng Internet của Đ, quá trình điều tra và tại phiên tòa không có căn cứ để xử lý Nguyễn Quang Đ cũng như các đối tượng khác về hành vi đánh bạc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Nam không khởi tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Đối với hành vi của Lê Thị Phương T và Phạm Thị D có dấu hiệu của tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”, quá trình nghiên cứu hồ sơ, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam đã ra Quyết định trả hồ sơ để yêu cầu điều tra bổ sung và khởi tố đối với Lê Thị Phương T cùng Phạm Thị D về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo quy định tại Điều 285 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Tuy nhiên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam cho rằng tài liệu điều tra xác định T và D không có sự bàn bạc, thống nhất với Đ, không có động cơ vụ lợi, lỗi vô ý; bản thân Đ đã tự nguyện khắc phục một phần thiệt hại cho Ngân hàng; Đại diện Ngân hàng TMCP H Việt Nam có đơn đề nghị miễn giảm việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với T và D nên đã căn cứ khoản 4 Điều 8 của Bộ luật Hình sự năm 1999, không xem xét xử lý về mặt hình sự. Để tránh bỏ lọt tội phạm, Hội đồng xét xử kiến nghị Tòa án nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội xem xét xử lý hình sự đối với Lê Thị Phương T và Phạm Thị D theo quy định.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Toàn bộ số tiền 1.151.500.000đ do bị cáo Nguyễn Quang Đ chiếm hưởng nên cần buộc bị cáo phải có trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng TMCP H Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam; bản thân ông Nguyễn Xuân N (bố bị cáo) đã nộp cho Ngân hàng TMCP H - Chi nhánh Hà Nam tổng số tiền 23.000.000đ; chị Lê Thị Phương T đã nộp số tiền 20.000.000đ và chị Phạm Thị D đã nộp 50.000.000đ. Tại phiên tòa, chị T và chị D khai việc nộp tiền để khắc phục hậu quả là hoàn toàn tự nguyện nay không yêu cầu Nguyễn Quang Đ trả lại. Do vậy, Hội đồng xét xử đối trừ và buộc Đ phải bồi thường tiếp cho Ngân hàng TMCP H Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam số tiền 1.058.500.000đ là phù hợp pháp luật.

[7] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đều xác định chiếc điện thoại di động Q-mobile P6 có vỏ ngoài màu trắng, số IMEI 866405011675331, gắn một thẻ sim bị cắt và một thẻ nhớ dung lượng 02GB là

của bị cáo Đ không có liên quan đến vụ án cần trả lại, song tạm giữ để đảm bảo thi hành án; Đối với quyền sở tay có kích thước (9x17)cm, mặt trước bìa cứng có chữ BUSINESS và số B3-160 là của bị cáo không liên quan đến vụ án, tại phiên tòa bị báo có quan điểm không lấy lại nên Hội đồng xét xử tịch thu lưu hồ sơ vụ án; Riêng 04 (bốn) USB lưu trữ dữ liệu hình ảnh camera tại Phòng giao dịch P và cây ATM số 160001 của Ngân hàng TMCP H Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam, tại phiên tòa phía Ngân hàng xác định không có giá trị sử dụng. Do vậy, Hội đồng xét xử giữ lại để lưu hồ sơ vụ án phục vụ xét xử sau này.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Quang Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quang Đ phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7; khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung theo Luật số 12/2017/QH14 ngày 20/6/2017 và Nghị Quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang Đ 11 (mười một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 07 tháng 11 năm 2016.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và các Điều 584; Điều 585; Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Buộc bị cáo Nguyễn Quang Đ phải trả Ngân hàng TMCP H Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam số tiền 1.058.500.000đ (một tỷ không trăm năm mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng).

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Trả lại cho Nguyễn Quang Đ 01 (một) điện thoại di động Q-mobile P6 có vỏ ngoài màu trắng, số IMEI 866405011675331 có gắn một thẻ sim bị cắt và một thẻ nhớ dung lượng 02GB, song tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án dân sự sau này.

- Tịch thu 01 (một) quyền sở tay có kích thước (9x17)cm, mặt trước bìa cứng có chữ BUSINESS số B3-160 và 04 (bốn) USB lưu trữ dữ liệu hình ảnh camera tại Phòng giao dịch P và cây ATM số 160001 của Ngân hàng TMCP H Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam để lưu hồ sơ vụ án.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm

2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Quang Đ phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 43.755.000đ (bốn mươi ba triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được quyền yêu cầu thi hành án, nếu người thi hành án không thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho bị cáo, nguyên đơn dân sự và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Cơ quan CSĐT, VKSND tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp, Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- Phòng KTNV & THAHS Tòa án tỉnh Hà Nam;
- UBND phường L, TP. P;
- UBND phường M, TP. P;
- Bị cáo, Người bào chữa, Nguyên đơn dân sự;
- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu Bộ phận HCTP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Thủy